

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/DS-PT

Ngày: 29-5-2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Số 297, Trần Quốc T, khu phố 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1963 (có văn bản vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã F, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H trình bày:

Năm 2015, qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị C bà H biết bà T có mở dây hụi 36 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng và nhờ bà C chơi dùm 04 phần. Bà H bắt đầu nhờ bà C hốt giùm 04 phần hụi vào ngày 15/8/2015 (âm lịch). Đến ngày 15/8/2016 (âm lịch) bà C hốt giùm bà H 01 phần hụi được số tiền 50.485.000 đồng. Sau khi hốt hụi phần này, thông qua bà C, bà H đóng phần hụi chết đến ngày 15/8/2017 (âm lịch) thì bà T chấm dứt hợp đồng góp hụi. Như vậy, tính đến ngày 15/8/2017 (âm lịch) thì phần hụi này bà H đã đóng cho bà T được 23 phần, còn nợ lại 13 phần trừ 03 phần hụi sống thì phần hụi này bà H còn nợ bà T 10 phần x 2.000.000 đồng/phần = 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Còn lại 03 phần hụi sống bà H tiếp tục nhờ bà C đóng giùm. Đến ngày 15/3/2017 (âm lịch) bà C hốt giùm bà H một phần nữa với số tiền là 56.600.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi hốt xong phần hụi thông qua bà C, bà H cũng đóng phần hụi chết đến ngày 15/8/2017 (âm lịch) thì bà T cũng đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hụi với bà H. Như vậy, tính đến ngày 15/8/2017 (âm lịch) thì phần hụi này bà H đã đóng hụi chết cho bà T được 26 phần, còn nợ bà T lại 10 phần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Đối với 02 phần hụi sống và 02 phần hụi chết, bà Nguyễn Thị Lan có dẫn bà H đến gặp bà T để đóng hụi sống cho bà T đến ngày 15/8/2017 (âm lịch) được 26 phần hụi sống x 2.000.000 đồng/phần x 02 phần = 104.000.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu đồng). Đây là số tiền hụi mà bà T còn nợ bà H.

Như vậy, tính đến ngày 15/8/2017 (âm lịch) đối với dây hụi 36 phần này thì bà H còn nợ bà T 02 phần hụi chết với số tiền 40.000.000 đồng. Đối lại, đối với 02 phần hụi sống bà T còn nợ bà H số tiền hụi 104.000.000 đồng trừ 02 phần hụi chết là 40.000.000 đồng thì bà T còn nợ bà H số tiền 64.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà T trả số tiền hụi còn nợ là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng). Trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Ngày rằm tháng 8 năm 2015, bà T có rủ hụi góp vốn xoay vòng cho các chị em ở xóm. Bà C có chơi một dây hụi 09 phần nhưng đã hốt dần từ ngày áp đến ngày rằm tháng 4 năm 2017 thì bà C đã hốt hết 07 phần vào các ngày cụ thể như sau: 15/8/2015 (âm lịch); 15/9/2015 (âm lịch); 15/3/2016 (âm lịch); 15/8/2016 (âm lịch); 15/9/2016 (âm lịch); 15/10/2016 (âm lịch); 15/3/2017 (âm lịch).

Đến ngày 15/4/2017 (âm lịch), bà C tiếp tục kêu hốt hụi nhưng bà T không đồng ý. Sau đó, bà T đến nhà chị L là chị ruột của bà C kêu bà C đóng hụi cho bà T. Do vậy, bà H đến đóng hụi cho bà C từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2017 (âm lịch). Như vậy, bà C còn thiếu bà T 15 tháng hụi x 2.000.000 đồng x 7 phần = 210.000.000 đồng trừ 02 phần hụi sống còn lại là 84.000.000 đồng. Vậy bà C còn thiếu lại bà T 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Nay bà H không có liên quan gì đến dây hụi của bà T. Với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà T không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng

mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 227, 228, 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/01/2019 nguyên đơn bà Phan Thị Thu H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền hụi còn nợ là 64.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H trình bày bà có tham gia chơi 4 phần hụi do bà T làm đầu thảo, hụi có 36 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng nhưng bà nhờ bà C đóng hụi giùm từ ngày 15/8/2015 (âm lịch). Trong 4 phần hụi này bà đã hốt được 02 phần hụi và còn nợ lại bà T số tiền hụi chết của 02 phần là 40.000.000 đồng. Hai phần hụi sống bà đã đóng được mỗi phần là 26 lần tổng cộng là 104.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền là 64.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T cho rằng ngày rằm tháng 8 năm 2015 (âm lịch) bà có rủ hụi góp vốn xoay vòng cho các chị em trong xóm, trong đó bà C có chơi một dây của bà gồm 9 phần, nhưng bà C đã hốt được 7 phần, còn 02 phần hụi sống chưa hốt. Bà H không liên quan gì đến dây hụi này, do đó bà

không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 64.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thu H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, chứng cứ mà bà H cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm là tờ giấy tay ngày 15/8/2016 (âm lịch) với nội dung “...*Chị Tư giao cho em C năm chục triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn, ngày Rằm tháng 8 năm 2016...*” và tờ giấy viết tay ngày 15/3/2017 (âm lịch) nội dung: ...*Chị Tư giao cho em C năm mươi sáu triệu sáu trăm chẵn, ngày rằm tháng 3 năm 2017..*” (Bút lục 76-77). Trong nội dung 02 tờ giấy viết tay nêu trên không có chữ ký của các bên, không thể hiện nội dung bà C có chơi hụi giùm bà H như bà H trình bày, như vậy chưa đủ cơ sở để cho rằng bà H có tham gia 4 phần hụi do bà T làm đầu thảo và nhờ bà C đóng hụi thay cho bà. Đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và cũng không có ý kiến trình bày thừa nhận có đóng hụi thay cho bà H. Đối với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị L cho rằng do bà H ở xa, bận đi làm nên có nhờ bà C chơi giùm cho bà H 04 phần hụi là đúng. Do biết 04 phần hụi nêu trên là do bà C chơi hụi giùm bà H nên bà T có yêu cầu bà H đóng hụi tiếp. Sau đó bà L có nghe bà H nói lại là bà H đã trực tiếp đóng cho bà T được 5 tháng tiền hụi gồm 02 phần hụi sống và 02 phần hụi chết với số tiền 35.800.000 đồng. Sau đó bà T không cho bà H tham gia chơi hụi nữa (Bút lục 29). Xét thấy, lời trình bày của bà L là không có căn cứ, không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, bà L cũng không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Mặt khác, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T cũng không thừa nhận việc bà C có chơi hụi giùm bà H và cho rằng bà H không liên quan gì đến dây hụi này, bà cũng không có nợ bà H số tiền 64.000.000 đồng. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có nộp cho Tòa án đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị L đề ngày 04/5/2019, tuy nhiên tài liệu chứng cứ này không đủ căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có cơ sở. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên nguyên đơn bà Phan Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; các điều 147, 227, 228, 235, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền 64.000.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu đồng*).

2. Về án phí: Bà Phan Thị Thu H phải chịu 3.200.000 đồng án dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 3.500.000 đồng. Bà H đã nộp 1.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 48906 ngày 20/8/2018 và biên lai thu số 49001 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, cần trừ nên bà H còn phải nộp tiếp số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan